

**DANH MỤC THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA THUỘC
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN (12 TT/C)**

*(Kèm theo Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 17/5/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)			Tỷ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
1	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	60	20	40	33,3%	Quyết định số 908/QĐ- UBND ngày 13/6/2023
2	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	60	20	40	33,3%	
3	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất	60	20	40	33,3%	
4	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai	60	20	40	33,3%	
5	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	60	20	40	33,3%	
6	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	60	20	40	33,3%	
7	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	60	20	40	33,3%	
8	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	60	20	40	33,3%	
9	Khám giám định tổng hợp	60	20	40	33,3%	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)			Tỷ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
10	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	95	30	65	31,6%	Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
11	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	65	20	45	30,8%	
12	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	65	20	45	30,8%	
Tổng cộng		765	250	515	32,6%	